

Số: **124** /GCN-BXD

Hà Nội, ngày **27** tháng **4** năm 2023

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 52/2022/NĐ-CP ngày 08/8/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty TNHH tư vấn khảo sát xây dựng Toàn Chính và Biên bản đánh giá ngày 25 tháng 3 năm 2023.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty TNHH tư vấn khảo sát xây dựng Toàn Chính

Mã số thuế:0400553961

Địa chỉ: 71 đường Ngô Tất Tố, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng và cơ học đất

Địa chỉ phòng thí nghiệm: 123-125, đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 487**

3. Giấy chứng nhận này bổ sung cho Giấy chứng nhận số 152/GCN-BXD ngày 26 tháng 7 năm 2021 và có hiệu lực đến hết ngày 26/7/2026./.

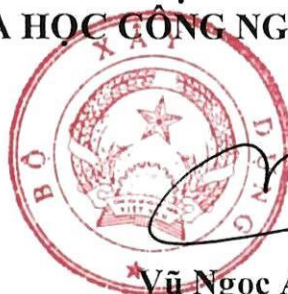
Nơi nhận:

- Công ty TNHH tư vấn khảo sát xây dựng Toàn Chính;
- Sở XD Đà Nẵng;
- IT Thông tin (website);
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT.

TL. BỘ TRƯỞNG

VỤ TRƯỞNG

VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG



Vũ Ngọc Anh

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 487
(Kèm theo Giấy chứng nhận số: **124** /GCN-BXD, ngày **27** tháng **4** năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
Thử nghiệm nhựa đường và nhựa đường lỏng		
1.	Xác định ảnh hưởng của nhiệt và không khí bằng phương pháp sấy màng mỏng	TCVN 11711:2017
2.	Xác định khả năng trộn lẫn với nước, xác định khối lượng thể tích	ASTM D6999:04; ASTM D6937:04; AASHTO T59:01
3.	Xác định độ hòa tan trong dung môi	ASTM D7553
4.	Xác định độ đàn hồi nhựa đường Polime	TCVN11194:17; ASTM D6084; AASHTO T301
5.	Xác định độ ổn định lưu trữ	TCVN11195:2017; ASTM D5892
6.	Xác định độ nhớt Brookfeld	TCVN11196:2017; ASTM D4402
Thử nghiệm vật liệu nguội tái chế tại chỗ		
7.	Thử nghiệm vật liệu nguội tái chế tại chỗ: Chu kỳ bán hủy của nhựa đường bột; tỷ lệ giãn nở của nhựa đường bột	TCVN 13150:2020
8.	Thử nghiệm mô đun đàn hồi	ASTM D7369/D4123; EN 12697
Thử nghiệm vật liệu kim loại		
9.	Cáp dự ứng lực bọc Epoxy từng sợi đơn: Phương pháp thử kéo; độ dính bám với bê tông; thử tính dẻo; thử hiệu suất neo	TCVN 10952:2015
10.	Bộ neo cáp cường độ cao: Phương pháp thử hiệu suất; xác định độ truyền lực	TCVN 10568:2017
11.	Thép thanh dự ứng lực – Thử kéo đồng bộ	TCVN 11243:2016
12.	Thử kéo thép cốt bê tông dự ứng lực	TCVN 6284:1997
13.	Thử phá hủy mối hàn – thử va đập	TCVN 5402:2010
14.	Thử phá hủy mối hàn – thử kéo	TCVN 5403:1991
15.	Thử phá hủy mối hàn – thử uốn	ASTM A184/184M
16.	Dây kim loại – phương pháp thử kéo	TCVN 1824:1993
17.	Dây kim loại – phương pháp thử xoắn	TCVN 1825:2008
18.	Dây kim loại – phương pháp thử xoắn đơn	TCVN 1827:2006
19.	Thử kéo dây cáp thép	TCVN 5757:1993
Thí nghiệm hiện trường		
20.	Xác định khối lượng thể tích bằng phương pháp thay thế cát trong hố	ASTM D4914-99
21.	Xác định khối lượng thể tích bằng phương pháp thay thế nước trong hố	ASTM D5030-04
22.	Công hợp bê tông cốt thép: Kiểm tra khuyết tật ngoại quan; Kiểm tra kích thước và độ sai lệch kích thước; Kiểm tra khả năng chống thấm nước; Kiểm tra cường độ bê tông; Kiểm tra khả năng chịu tải của đốt công	TCVN 9116:2012 ASTM C497
23.	Thí nghiệm nhỏ cọc; nén ngang; đẩy ngang	JGJ 106-2003; ASTM D3966; D3689; BS 8004

24.	Thí nghiệm nén ngang trong hố khoan	ASTM D4719; BS 5930; BS/EN 22476
25.	Xác định hệ số thấm của bê tông nhựa rỗng thoát nước tại hiện trường	EN 12697; TCVN 11634:2017
26.	Sản phẩm bó vữa bê tông đúc sẵn: Xác định cường độ bê tông; kích thước và mức sai lệch cho phép; xác định ngoại quan và khuyết tật cho phép; xác định khả năng chịu tải	TCVN 10797:2015
27.	Mương BTCT thành mỏng đúc sẵn: Xác định kích thước và mức sai lệch kích thước; Kiểm tra ngoại quan và các khuyết tật; khả năng chống thấm nước; cường độ bê tông; khả năng chịu tải	TCVN 6394:2014
Cốt liệu cho bê tông và vữa. Bê tông		
28.	Bê tông tự lèn : Xác định độ chảy loang và thời gian chảy loang; Xác định thời gian chảy qua phễu V; Xác định khả năng chảy qua hộp L; Xác định khả năng chảy qua vòng J; Xác định khả năng chống phân tầng theo phương pháp sàng	TCVN 12209:2018
29.	Vữa chèn cấp dự ứng lực : Xác định thành phần có hại trong vật liệu; Lượng vón cục trên sàng; Độ chảy; Lượng tách nước và thay đổi thể tích; Thời gian đông kết; Cường độ nén	TCVN 11971:2018 ASTM C939
30.	Xác định chỉ số methylen xanh của cốt liệu	TCVN 7572-21:2018
31.	Xác định ổn định của cốt liệu bằng cách sử dụng natri sunfat	TCVN 7572-22:2018
32.	Xác định khả năng chống mài mòn micro Deval	EN 1097:2011; AASHTO T327 ASTM D6928; ASTM D7428
33.	Xác định góc cạnh của cốt liệu thô	TCVN 11807:2017
Thử nghiệm đất		
34.	Xác định hệ số thấm	TCVN 12662:2019
35.	Xác định hàm lượng chất khô và hàm lượng nước theo khối lượng	TCVN 6648:2000
Thử nghiệm sơn và vecni		
36.	Phép thử uốn	TCVN 12987:2020
37.	Xác định độ mài mòn	TCVN 12988:2020
Thử nghiệm rọ đá		
38.	Xác định khối lượng riêng	ASTM D792
39.	Xác định độ cứng	ASTM D2240
40.	Xác định khả năng chống mài mòn	ASTM D1242
41.	Xác định khối lượng lớp mạ kẽm, lớp mạ hợp kim nhôm kẽm	ASTM A90/A90M; BS EN 10244-2
42.	Xác định chiều dày bọc nhựa; đường kính dây thép; kích thước mắt lưới	ASTM A641; BS EN 10245-2 BS EN 10223-3
Thử nghiệm Bentonit Polymer		
43.	Bentonit Polymer: Xác định khối lượng	TCVN 13068:2020



	riêng; hàm lượng cát, pH; độ dày áo sét; lượng tách nước; độ bền gel; tỷ số YP/PV	
Thử nghiệm Vôi canxi		
44.	Vôi canxi cho xây dựng – độ ẩm của vôi; hàm lượng hạt không trôi; Xác định độ nhuyễn, khối lượng thể tích;	TCVN 2231:2016
Thử nghiệm ống nhựa gân xoắn HDPE		
45.	Ống nhựa gân xoắn HDPE: Xác định kích thước; độ biến dạng; áp lực trong	TCVN 9070:2012
Thử nghiệm cao su, gối cầu và khe co giãn		
46.	Xác định kích thước hình học của gối cầu	TCVN 10308:2014; TCVN 10269; ASTM D4014/D5977; AASHTO M297/M251
47.	Thử độ giãn dài tại điểm gãy	ASTM D638/D2256
48.	Xác định biến dạng dư sau khi nén	TCVN 5320-1:2016; (ISO 815-1:2008) ASTM D395; TCVN 10308:2014
49.	Thử nghiệm thay đổi độ cứng, độ căng kéo	ASTM 2240
50.	Xác định tỷ trọng tấm PTPE	ASTM D792
51.	Thử nghiệm khả năng phục hồi, thí nghiệm nén, độ hút nước, tỷ trọng của cao su xốp và vật liệu chèn khe	ASTM D545/D3575; AASHTO M33/T42 TCVN 11414:2016
Thử nghiệm xi măng, xỉ nghiền, lò cao		
52.	Xác định khả năng giữ nước	TCVN 9202:2018
53.	Xác định hàm lượng mất khi nung	TCVN 11586:2016
Thử nghiệm cơ lý của bột khoáng chất		
54.	Xác định: thành phần hạt; độ ẩm; hệ số thích nước; khối lượng riêng	TCVN 12884:2020; TCVN 8735:2012 ASTM D5329
55.	Xác định: khối lượng thể tích và độ rỗng; chất hòa tan; chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	ASTM D5329

Ghi chú (*) - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

